

Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày 14-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lò Văn Vón, ông Giàng A Gông

- *Thư ký phiên tòa:* ông Thào A Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên, tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2024/TLST-HS ngày 21/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 02/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn H** - Tên gọi khác: không, sinh năm 1977 tại huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: bản N 2, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S; Vợ: Trần Thị H, bị cáo có 01 con sinh năm 2002; Tiền án: Không, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án; Tạm giữ từ ngày 07/12/2023 đến ngày 13/12/2023, Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/12/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Lò Văn K** - Tên gọi khác: không, sinh năm 1982 tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: bản C, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Ch và bà Lò Thị Nh; Vợ là Lò Thị V, bị cáo có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2021); Tiền sự: Không. Tiền án: Không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án; Tạm giữ từ ngày 07/12/2023 đến ngày 13/12/2023, Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/12/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* chị Lò Thị V- sinh năm 1987; Nơi cư trú: bản C, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 07/12/2023 bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Lò Văn K gặp nhau tại thôn L, xã B, huyện T, bị cáo H đã nói với bị cáo K là chở bị cáo lên thị trấn T để đi tìm mua ma túy cùng nhau sử dụng, bị cáo K đồng ý, sau đó bị cáo K điều khiển xe mô tô của bị cáo, bị cáo H ngồi phía sau. Khi đến thị trấn T, 02 bị cáo đi đến ngã ba tổ dân phố Q, thị trấn T thì dừng xe, bị cáo K đứng chờ ở ngoài đường còn bị cáo H đi bộ vào phía trong tổ dân phố Q, tại đây bị cáo H gặp một người phụ nữ dân tộc Thái bị cáo không biết tên, địa chỉ của người này, bị cáo hỏi và mua được của người phụ nữ này 01 gói ma túy với giá 150.000 đồng, sau đó bị cáo quay lại chỗ bị cáo K đang chờ và bị cáo H là người điều khiển xe chở bị cáo K đi về, khi đi được một đoạn đến chỗ vắng người thuộc thôn S, xã B thì dừng xe, bị cáo H lấy gói ma túy cấu ra một ít rồi 2 bị cáo sử dụng bằng hình thức đốt hít trên giấy bạc, sau khi đó bị cáo H cầm gói ma túy ở bàn tay trái của mình và tiếp tục điều khiển xe chở Khỏ đi về. Khi 02 bị cáo đang đi trên đoạn đường thuộc thôn S, xã B thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói được gói ngoài bằng nilon màu trắng, bên trong có cục chất bột màu trắng, thể rắn; 01 xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 27B1-958.63; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lò Văn K.

Ngày 07/12/2023, cơ quan Điều tra mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định, xác định gói vật chứng thu giữ của Bị cáo có khối lượng 0,2527 gam.

Kết luận giám định số 06/GĐ-PC09 ngày 13/12/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Khối lượng vật chứng thu giữ của Phạm Văn H và Lò Văn K là 0,2527 gam; mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine; hoàn lại 0,19 gam mẫu vật còn lại sau giám định.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: gói chứa cục chất bột màu trắng cơ quan điều tra thu giữ là chất ma túy do Phạm Văn H mua được, mục đích mua ma túy để 02 bị cáo cùng sử dụng. Bị cáo Lò Văn K khai nhận là người dùng xe mô tô của gia đình chở Bị cáo H đi mua ma túy, mục đích để được Bị cáo H chia cho ma túy để sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị V có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo Khỏ về nguồn gốc chiếc xe mô tô là tài sản chung của gia đình, chị Viên không biết việc Bị cáo K dùng xe mô tô để làm phương tiện đi mua ma túy và đề nghị giải quyết chiếc xe theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 08/CT-VKSHTC ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Phạm Văn H và Lò Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 điều 51, điều 38, điều 17, điều 58 của Bộ luật hình sự đối với cả 02 Bị cáo; Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo Lò Văn K từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại, tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô thu giữ của bị cáo K và đề

ngiht miễn án phí cho Bị cáo K, áp dụng mức án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Văn H.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn H, Lò Văn K thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến khi bắt quả tang các Bị cáo và thu giữ vật chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng và bản kết luận giám định chất ma túy.

Có đủ cơ sở kết luận ngày 07/12/2023 Bị cáo Lò Văn K điều khiển xe mô tô trở Bị cáo Phạm Văn H đến tổ dân phố Q để mua ma túy, tại đây bị cáo H đã mua được 01 gói ma túy loại Heroine có khối lượng 0,2527 gam một người phụ nữ dân tộc Thái với giá 150.000 đồng; Sau khi mua được ma túy các bị cáo đã cùng nhau sử dụng một ít trên đường về, số ma túy còn lại đã bị công an thu giữ.

Hành vi mua và cất giấu trái phép 0,2527 gam Heroine của bị cáo Hưng đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bị cáo K đã cố ý dùng xe mô tô trở bị cáo H đi mua ma túy với mục đích để cùng nhau sử dụng, hành vi của bị cáo là đồng phạm với Bị cáo H, Bị cáo K phải cùng chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ 0,2527 gam Heroine của Bị cáo H và đủ yếu tố cấu thành tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, tính chất đồng phạm giản đơn, Bị cáo Hưng là người có tiền, Bị cáo Khỏ là người có phương tiện, các bị cáo đã cùng nhau đi mua ma túy để cùng sử dụng, nên xác định các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[3.1] Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa bị xử phạt hành chính và chưa bị kết án.

[3.2] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cho các Bị cáo.

[3.3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 52 của Bộ luật hình sự.

[3.4] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của cơ quan điều tra và tranh tụng tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có tài sản riêng, không có việc làm và thu nhập thường xuyên, gia đình bị cáo K thuộc hộ nghèo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và tịch thu tài sản đối với các bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về các vấn đề khác có liên quan:

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho Bị cáo Hưng, quá trình Điều tra và tại phiên tòa không xác định được họ tên, địa chỉ, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số Heroine còn lại có khối lượng 0,19 gam là vật cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc xe mô tô thu giữ của Bị cáo K, đăng ký xe mang tên bị cáo, Bị cáo K đã sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu chiếc xe mô tô sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí:

Bị cáo K là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo K thuộc hộ nghèo, nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật hình sự

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn H và Lò Văn K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

1.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38, điều 17, điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm tù. Khấu trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 24 ngày tù, Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38, điều 17, điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn K 01 (một) năm tù. Khấu trừ

cho bị cáo 06 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 24 ngày tù, Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a,c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 0,19 gam Heroine và các bao bì niêm phong vật chứng.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 27B1-958.63 (có đăng ký mô tô xe máy kèm theo).

Số vật chứng trên cơ quan Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 khoản điều 23, điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Buộc Bị cáo Phạm Văn H chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho Bị cáo Lò Văn K.

4. Quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2024).

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Bộ phận hồ sơ NV- CA huyện T
- Cơ quan THAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện T;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Anh Tuấn